ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU DÂN CƯ LẤN BIỂN TRẦN QUANG KHẢI - KHU ĐÔ THỊ PHÚ CƯỜNG HOÀNG GIA, TỶ LỆ 1/500, QUY MÔ 68,68HA
PHƯỜNG RẠCH GIÁ - TỈNH AN GIANG
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VÀ CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ, CHỈ GIỚI XÂY DỰNG

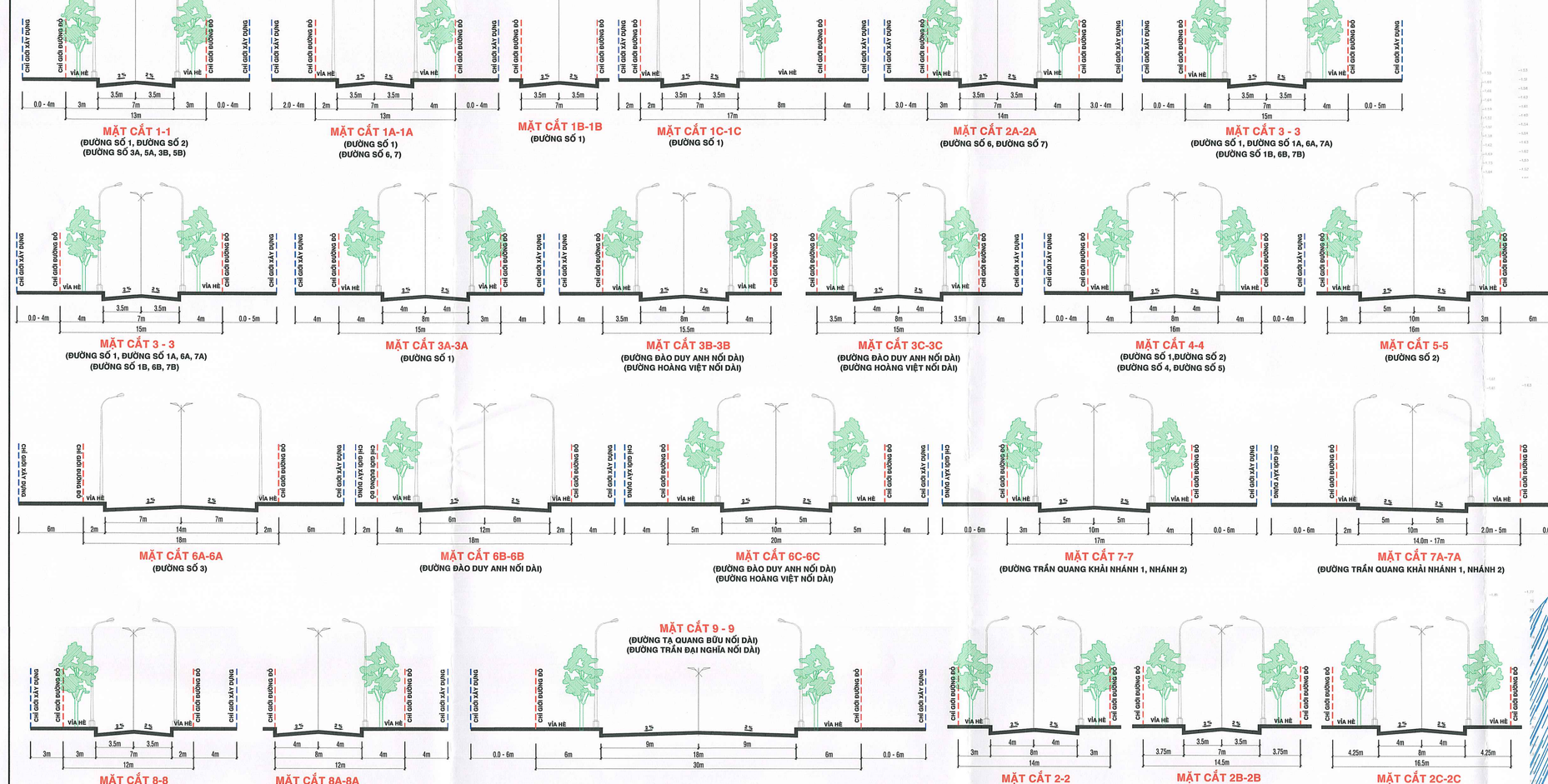

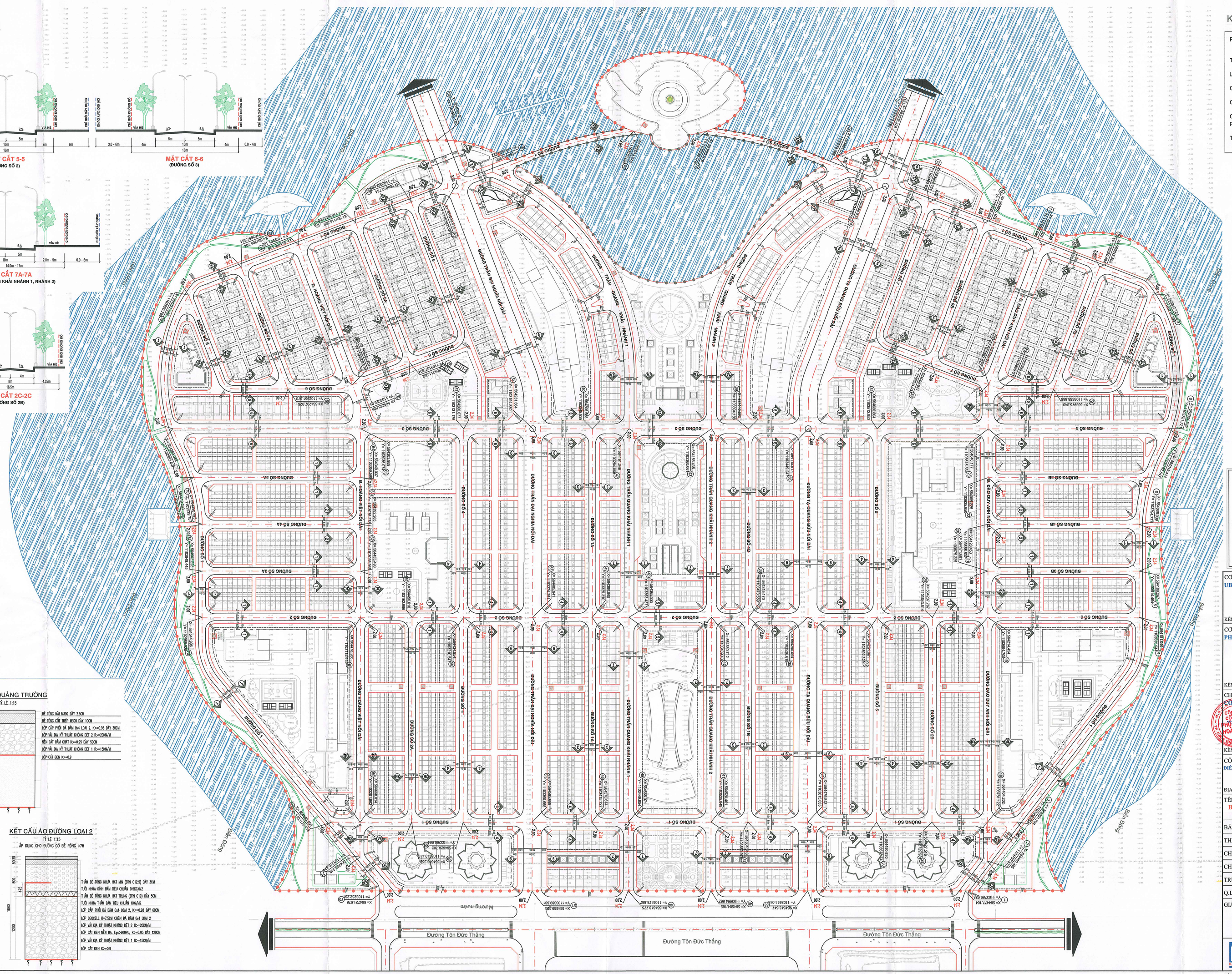

BẢNG TỌA ĐỘ NỐT GIAO		
Tên nút	X	Y
1	564477.104	1103789.938
2	564440.325	1103797.573
3	564391.754	1103808.454
4	564151.040	1103833.944
5	564108.267	1103814.464
6	564065.039	1103794.777
7	564016.414	1103782.547
8	563964.399	1103781.721
9	563847.510	1103710.819
10	563843.502	1103650.464
11	563847.302	1103588.080
12	563851.103	1103525.695
13	563854.751	1103465.806
14	563858.632	1103418.533
15	563858.328	1103415.399
16	563861.078	1103378.388
17	563883.019	1103230.176
18	564404.202	1103781.122
19	564214.454	1103984.704
20	564171.681	1103875.225
21	564128.453	1103955.537
22	564085.225	1103635.850
23	564040.177	1103615.334
24	563975.840	1103588.869
25	563998.271	1103609.631
26	563999.021	1103597.322
27	564002.821	1103534.837
28	564027.516	1103739.931
29	564237.768	1103643.514
30	564450.834	1103678.741
31	564261.081	1103592.323
32	564086.805	1103512.952
33	564543.547	1102644.048
34	564479.843	1102615.035
35	564299.030	1103528.584
36	564115.819	1103449.247
37	564504.918	1102559.976
38	564315.170	1103473.559
39	564140.893	1103394.188
40	564584.185	1102504.862
41	564520.480	1103525.849
42	564330.712	1103439.432
43	564156.435	1103360.061
44	564618.775	1103478.867
45	564555.071	1103449.854
46	564365.323	1103363.437
47	564191.046	1103284.066
48	564570.614	1103415.727
49	564380.865	1103329.310
50	564206.588	1103249.939
51	564659.393	1103389.681
52	564595.689	1103360.668
53	564405.941	1103274.251
54	564231.664	1103194.880
55	564624.702	1103296.964
56	564434.954	1103210.547
57	564260.677	1103131.176
58	564646.358	1103249.413
59	564466.610	1103162.996
60	564688.014	1103031.862
61	564478.266	1103115.445
62	564435.493	1103095.965
63	564392.265	1103076.278
64	564349.037	1103056.590
65	564303.989	1103035.074
66	564283.654	1103026.813
67	564222.134	1103053.388
68	564268.761	1103008.889
69	564297.926	1102951.670
70	564721.968	1103252.257
71	564703.318	1103216.574
72	564680.061	1103175.433
73	564544.996	1102968.925
74	564502.223	1102949.445
75	564458.995	1102929.758
76	564419.284	1102902.348
77	564383.083	1102862.404
78	564252.866	1102820.769
79	564204.704	1102857.364
80	564160.136	1102901.182
81	564115.569	1102945.000
82	564072.784	1102987.065
83	564039.614	1103021.079
84	564010.990	1103045.222
85	564004.277	1102985.138
86	563913.570	1103163.085

BẢNG THỐNG KÊ GIAO THÔNG										
TT	TÊN ĐƯỜNG	KÝ HIỆU MẶT CẮT	CHIỀU DÀI (m)	KÍCH THƯỚC MẶT CẮT (m)				LỘ GIỚI (m)	CGXD (m)	
				LỀ TRÁI	LÒNG	PHÂN CÁCH	LÒNG	LỀ PHẢI		LỀ TRÁI	LỀ PHẢI
1	ĐƯỜNG SỐ 1	1-1	1.178,28	3,00	3,50		3,50	3,00	13,00	6,50	0,0-6,0
		1A-1A	464,18	3,00	3,50		3,50	4,00	13,00	6,50	4,00
		1B-1B	300,00	3,00	3,50		3,50		7,00	3,50	-
		1C-1C	78,04	2,00	3,50		3,50	4,00	12,00	8,00	3,00	4,00
2	ĐƯỜNG SỐ 2	3-3	64,36	4,00	3,50		3,50	4,00	15,00	7,50	4,00	3,00
		3A-3A	78,28	4,00	4,00		4,00	8,00	20,00	7,50	4,00	6,00
		4-4	604,19	4,00	4,00		4,00	4,00	16,00	8,00	-	4,00
		1-1	511,00	3,00	3,50		3,50	3,00	13,00	6,50	0,0-4,0	0,0-4,0
3	ĐƯỜNG SỐ 3	4-4	334,00	4,00	4,00		4,00	4,00	16,00	8,00	-	-
		5-5	83,51	3,00	3,50		3,00	3,50	16,00	8,00	-	6,00
		6-6	884,66	4,00	5,00		5,00	4,00	18,00	9,00	3,5-5,0	0,0-4,0
4	ĐƯỜNG SỐ 4	6A-6A	83,51	7,00	7,00		7,00	2,00	18,00	9,00	6,00	6,00
		4-4	400,00	4,00	4,00		4,00	4,00	16,00	8,00	-	0,0-4,0
5	ĐƯỜNG SỐ 5A	3-3	400,00	3,50	3,50		3,50	4,00	15,00	7,50	-	-
6	ĐƯỜNG SỐ 2A	2B-2B	208,10	3,75	3,50		3,50	3,75	14,50	7,25	-	-
7	ĐƯỜNG SỐ 3A	1-1	161,00	3,00	3,50		3,50	3,00	13,00	6,50	-	-
8	ĐƯỜNG SỐ 4A	2-2	161,00	3,00	4,00		4,00	3,00	14,00	7,00	-	-
9	ĐƯỜNG SỐ 5A	1-1	161,48	3,00	3,50		3,50	3,00	13,00	6,50	-	-
10	ĐƯỜNG SỐ 6A	3-3	152,00	4,00	3,50		3,50	4,00	15,00	7,50	4,00	4,00
11	ĐƯỜNG SỐ 7A	3-3	152,61	4,00	3,50		3,50	4,00	15,00	7,50	4,00	4,00
12	ĐƯỜNG SỐ 5	4-4	400,00	4,00	4,00		4,00	4,00	16,00	8,00	0,0-4,0	-
		1A-1A	199,00	3,00	3,50		3,50	4,00	13,00	6,50	2,00	4,00
		2A-2A	260,00	3,00	3,50		3,50	4,00	14,00	7,00	4,00	3,00
		8-8	120,30	3,00	3,50		3,50	2,00	12,00	6,00	3,00	2,00
13	ĐƯỜNG SỐ 1B	3-3	400,00	4,00	3,50		3,50	4,00	15,00	7,50	-	-
14	ĐƯỜNG SỐ 2B	2C-2C	208,10	4,21	4,00		4,00	4,21	16,50	8,25	-	-
15	ĐƯỜNG SỐ 3B	1-1	153,00	3,00	3,50		3,50	3,00	13,00	6,50	-	-
16	ĐƯỜNG SỐ 4B	2-2	153,00	3,00	4,00		4,00	3,00	14,00	7,00	-	-
17	ĐƯỜNG SỐ 5B	1-1	161,48	3,00	3,50		3,50	3,00	13,00	6,50	-	-
18	ĐƯỜNG SỐ 6B	3-3	152,00	4,00	3,50		3,50	4,00	15,00	7,50	4,00	4,00
19	ĐƯỜNG SỐ 7B	3-3	152,61	4,00	3,50		3,50	4,00	15,00	7,50	4,00	4,00
20	ĐƯỜNG SỐ 8B	3-3	152,61	4,00	3,50		3,50	4,00	15,00	7,50	4,00	4,00
21	ĐƯỜNG SỐ 7	1A-1A	109,00	3,00	3,50		3,50	4,00	13,00	6,50	3,00	4,00
		2A-2A	269,72	3,00	3,50		3,50	4,00	14,00	7,00	4,00	3,00
		8-8	121,00	3,00	3,50		3,50	2,00	12,00	6,00	3,00	2,00
		9B-9B	208,10	4,20	4,00		4,00	4,20	15,20	7,75	4,00	-
22	ĐƯỜNG BÁO DUY ANH NỐI DÀI	2C-2C	191,50	3,50	4,00		4,00	3,50	15,00	7,50	-	4,00
		9B-9B	41,64	4,00	4,00		4,00	4,00	16,00	9,00	3,00	4,00
		6C-6C	112,00	5,00	5,00		5,00	5,00	20,00	10,00	4,00	4,00
		8A-8A	39,89	-	4,00		4,00	4,00	12,00	6,00	-	4,00
23	ĐƯỜNG TA QUANG BỬU NỐI DÀI	9-9	749,41	6,00	9,00		9,00	6,00	30,00	15,00	0,0-6,0	0,0-6,0
24	ĐƯỜNG HOÀNG VIỆT NỐI DÀI	9B-9B	208,10	3,50	4,00		4,00	4,00	15,50	7,75	4,00	-
		2C-2C	191,50	3,50	4,00		4,00	3,50	15,00	7,50	-	4,00
		8C-8C	198,13	5,00	5,00		5,00	5,00	20,00	10,00	4,00	4,00
		8A-8A	33,50	-	4,00		4,00	4,00	12,00	6,00	-	4,00
25	ĐƯỜNG TRẦN ĐẠI NGHĨA NỐI DÀI	9-9	749,41	6,00	9,00		9,00	6,00	30,00	15,00	0,0-6,0	0,0-6,0
26	ĐƯỜNG TRẦN QUANG KHẢI NHÁNH 1	7-7	470,00	3,00	5,00		5,00	4,00	17,00	8,50	6,00	0,0-4,0
		7A-7A	319,19	2,00	5,00		5,00	2,0-3,0	14-17	7,0-8,5	6,00	0,0-4,0
27	ĐƯỜNG TRẦN QUANG KHẢI NHÁNH 2	7-7	470,00	3,00	5,00		5,00	4,00	17,00	8,50	0,0-4,0	0,0-6,0
		7A-7A	319,19	2,00	5,00		5,00	2,0-3,0	14-17	7,0-8,5	0,0-4,0	6,00
*	TỔNG		13.896,52									

HỆ THỐNG GIAO THÔNG ĐẢM BẢO TUÂN THỦ QUY MÔ, MẶT CẮT THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ QUY HOẠCH ĐƯỢC DUYỆT (ĐỐI VỚI BỀ RỘNG LÒNG ĐƯỜNG, VỈA HÈ, DẢI PHÂN CÁCH TUẦN THỦ THEO QCXD 01:2021/BXD); TÙY THEO NHU CẦU ĐẦU TƯ CÓ THỂ XEM XÉT BỀ RỘNG LÒNG ĐƯỜNG, VỈA HÈ, DẢI PHÂN CÁCH CHO PHÙ HỢP VÀ ĐẢM BẢO LẬU ĐÀI, THÁNH LĂNG PHÊ DUYỆT; VỊ TRÍ, QUY MÔ BẢO ĐỒ XE VÀ CÁC ĐIỂM ĐẤU NỐI GIAO THÔNG VỚI CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU ĐẢM BẢO LƯU THÔNG THÔNG SUỐT. CHÚ Ý THIẾT KẾ ĐẢM BẢO NGƯỜI GIÀ, NGƯỜI KHUYẾT TẬT, TRẺ EM DỄ DÀNG TIẾP CẬN, SỬ DỤNG. VỈA HÈ ĐƯỢC THIẾT KẾ ĐỒNG BỘ, THỐNG NHẤT LOẠI VẬT LIỆU ĐẢM BẢO MỸ QUAN ĐÔ THỊ.

CHI TIẾT BỘ VỈA DẢI PHÂN CÁCH
TỈ LỆ 1/15

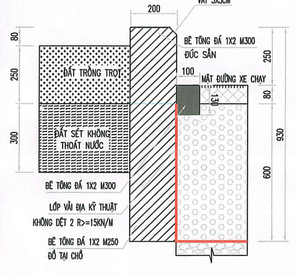

KẾT CẤU BÃI GIỮ XE
TỈ LỆ 1/15

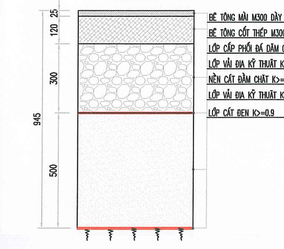

KẾT CẤU QUẢNG TRƯỜNG
TỈ LỆ 1/15

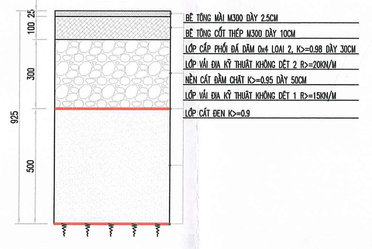

KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG LOẠI 1
TỈ LỆ 1/15

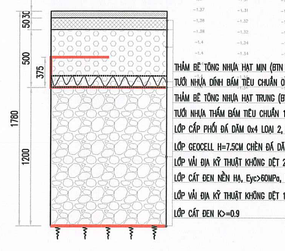

KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG LOẠI 2
TỈ LỆ 1/15

CHI TIẾT GỜ CHẶN TRÒI XE
(ÁP DỤNG CHO BÃI GỬI XE TẠI CHỢ, CHÙA CÁC LOẠI)
TỈ LỆ 1/15

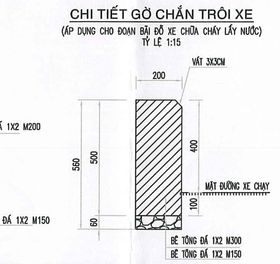

CHI TIẾT BỘ VỈA LOẠI I
(ÁP DỤNG CHO KHUÔN VIÊN TRƯỜNG HỌC, BỆNH VIỆN, CÔNG VĂN)
TỈ LỆ 1/15

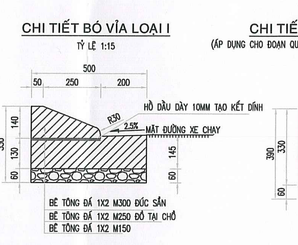

CHI TIẾT BỘ VỈA LOẠI II
TỈ LỆ 1/15

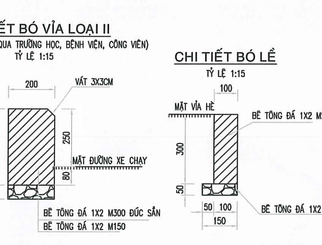

CHI TIẾT BỘ LỀ
TỈ LỆ 1/15

KẾT CẤU VỈA HÈ, ĐƯỜNG NỘI BỘ
TỈ LỆ 1/15

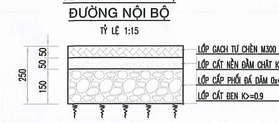

GHI CHÚ:

- BT BIỆT THỰ ĐƠN LẬP
- SL BIỆT THỰ SONG LẬP
- BTP BIỆT THỰ PHỐ
- SH1 – SH6 NHÀ PHỐ THƯƠNG MẠI 1 (Shophouse 1 - ngang 6m - 2 mặt tiền)
- SH7 – SH14 NHÀ PHỐ THƯƠNG MẠI 2 (Shophouse 2 - ngang 5m)
- SH15 – SH18 NHÀ PHỐ THƯƠNG MẠI 3 (Shophouse 3 - ngang 8m)
- P1 – P12 NHÀ PHỐ THƯƠNG MẠI 4 (ngang 5m)
- CC NHÀ Ở CHUNG CƯ
- S NHÀ Ở XÃ HỘI
- TM THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
- CX CÂY XANH CÔNG VIÊN
- VCX CÔNG VIÊN CHUYÊN ĐỀ
- TH TRƯỜNG HỌC
- YT CÔNG TRÌNH Y TẾ
- TDT CÔNG TRÌNH THỂ DỤC THỂ THAO
- XLN TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- TBA TRẠM BIẾN ÁP
- BX BÃI ĐỖ XE

KÝ HIỆU:

- RANH GIỚI LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH
- TIM ĐƯỜNG
- LÒNG ĐƯỜNG
- CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG PHẦN THẤP CAO PHÍA TRÊN CÔNG TRÌNH
- TRẠM BIẾN ÁP

KÝ HIỆU GIAO THÔNG

- KÝ HIỆU MẶT CẮT
- 12.56 / +2.00 (DỰ KIẾN) CAO ĐỘ THIẾT KẾ (DỰ KIẾN) CAO ĐỘ TỰ NHIÊN
- TOÀ ĐỘ
- BÃI XE
- QUY MÔ (HÀ)
- CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ HẠ TẦNG ĐÔ THỊ PHƯỜNG RẠCH GIÁ
THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH
Số: ...
Ngày ... tháng ... năm ...

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UBND PHƯỜNG RẠCH GIÁ

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 476/QĐ-UBND NGÀY 24 THÁNG 7 NĂM 2026

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG RẠCH GIÁ

KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 241/BC-KTHTĐT NGÀY 23 THÁNG 7 NĂM 2026

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ CƯỜNG HOÀNG GIA
TỔNG GIÁM ĐỐC
Thượng Thiết Lợi

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 16/2026/TTr-PCHG NGÀY 24 THÁNG 7 NĂM 2026

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU DÂN CƯ LẤN BIỂN TRẦN QUANG KHẢI - KHU ĐÔ THỊ PHÚ CƯỜNG HOÀNG GIA, TỶ LỆ 1/500, QUY MÔ 68,68HA

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG RẠCH GIÁ - TỈNH AN GIANG

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VÀ CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ, CHỈ GIỚI XÂY DỰNG

BẢN VẼ: QH-03	GHÉP: 1xA0	TỶ LỆ: FIT A0	NGÀY:...../.....2026

THIẾT KẾ	KS. TRẦN VĂN HÙNG
CHỦ TRÌ	KS. VÕ VĂN HÙNG
CHỦ NHIỆM	KTS. NGUYỄN THỊ TRUNG HẬU
TRƯỞNG PHÒNG	KS. VÕ VĂN HÙNG
Q.L KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN THÀNH
GIÁM ĐỐC	TRẦN KS. HOÀNG ĐỨC NHÂN

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG KIẾN THÀNH
Đc trụ sở: 27 Trần Hưng Đạo - Vĩnh Thạnh Trung (Đầu - Đối trường Quốc - Dân Dược)
Đc VP: 27 Trần Hưng Đạo - Vĩnh Thạnh Trung
VPĐD 1: Số 1 Đường 1 - Khu Dân cư Hồng Phát - Cái Răng
VPĐD 2: Số 22A Đường Nguyễn Văn Linh - P. Hưng Lợi
Email: kienthanh@gmail.com - Website: kienthanh.com.vn

TÊN CÔNG TRÌNH: ĐCQH CHI TIẾT KHU DÂN CƯ LẤN BIỂN TRẦN QUANG KHẢI - KHU ĐÔ THỊ PHÚ CƯỜNG HOÀNG GIA, TỶ LỆ 1/500, QUY MÔ 68,68HA
BẢN VẼ: 1 BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VÀ CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ, CHỈ GIỚI XÂY DỰNG

QH-03